

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ - ST

Ngày 12- 8- 2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Mai- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Phó Văn Lợi- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 02 năm 2019 và những lời khai tại phiên toà, nguyên đơn chị N trình bày:

Chị và anh Trần Xuân H kết hôn ngày 17 tháng 10 năm 1996 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu; sau khi kết hôn chị và anh H về ở cùng gia đình chồng tại thôn G, thị trấn K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình

cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do nguyên nhân anh H hay rượu chè và chửi bới đánh đuổi chị, chị đã từng làm đơn xin ly hôn anh H gửi đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn sau đó chị lại rút đơn về cho anh H một cơ hội để đoàn tụ, nhưng anh H lại tiếp tục chửi bới đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà nên khoảng tháng 3 năm 2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1997, cháu thứ hai là Trần Văn H1, sinh ngày 12 tháng 2 năm 1999, cháu thứ ba là Trần Thị Mai H, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2007, hiện nay cả ba cháu đang ở cùng anh H; vì cháu Huy và cháu Hùng đã đủ tuổi thành niên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết xem xét việc phân chia nuôi con, còn cháu Hương chị đề nghị xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Xuân H: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, giấy triệu tập lên viết bản tự khai, gửi thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh H, văn bản thông báo về việc chị N làm đơn xin ly hôn và tranh chấp nuôi con cho anh H; anh H đều đã trực tiếp nhận đầy đủ những giấy tờ trên, nhưng anh H không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gì về việc chị N xin ly hôn anh H.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xử: Cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Xuân H. Giao cháu Trần Thị Mai H, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2007 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Trần Xuân H và đề nghị xin được nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh H hiện đang cư trú tại Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Trần Xuân H đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Trần Thị N khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh H cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện B và lời khai của chị Trần Thị N thể hiện chị Trần Thị N và anh Trần Xuân H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện B ngày 17 tháng 10 năm 1996, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2019 đến nay. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị N đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, nếu Tòa án không cho chị ly hôn với anh H chị cũng không thể về đoàn tụ với anh H được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm của mình. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị N và anh H không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh H có ba con chung là cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1997, cháu thứ hai là Trần Văn H1, sinh ngày 12 tháng 2 năm 1999, cháu thứ ba là Trần Thị Mai H, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2007, hiện nay cháu Huy và cháu Hùng đã đủ tuổi thành niên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết xem xét; còn cháu Hương quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị N xin được nuôi cháu và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, do vậy cần giao cháu Hương cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N vì chị N không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt

và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Xuân H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Mai H, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2007 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003321 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền